

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 16/9/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/QĐST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh X – sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1967, có mặt.

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thăng L – sinh năm 1960, có mặt.

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh X như sau:

Số tiền 320.000.000 đồng là tiền bà cho bà H vay nhiều lần trong thời gian nhiều năm, bắt đầu vay từ năm 2010, mỗi lần bà H vay từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đến năm 2012 thì số tiền bà H nợ bà bằng 160.000.000 đồng tiền vốn, tiền lãi bà H không trả nên bà cộng dồn vào luôn. Sau đó, bà H vay thêm 60.000.000 đồng nên tổng số tiền cộng lại bằng 320.000.000 đồng. Như vậy, trong số

tiền 320.000.000 đồng bà H nợ có 80.000.000 đồng tiền lãi và 240.000.000 đồng tiền vốn.

Vào ngày 12/8/2015, bà H có ký giấy nợ số tiền 320.000.000 đồng cho bà. Lúc ký, bà H lên xe đi thành phố, bà biết được và kêu bà H ký giấy nợ số tiền trên, trước khi ký bà H đọc kỹ mới ký vào giấy nợ và kêu bà giấu không cho ông L chồng bà H biết. Hơn nữa, ông L và bà là chỗ bà con và ông L có bệnh nên bà cũng không nói với ông L. Tới lúc bà H đi làm thành phố về, bà đến nhà đòi thì hai bên có lời qua tiếng lại và Công an xã V có đến lập biên bản. Ông L cũng biết số tiền này và có đến nhà bà xin trả 20.000.000 đồng, yêu cầu bà xóa nợ nhưng bà không đồng ý.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà số tiền 240.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi. Bà X khẳng định bà H vay tiền của bà là sự thật, việc bà H nói có quan hệ làm ăn mua bán số đề với bà là không đúng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà bà thừa nhận có ký giấy nợ với bà X nhưng bà không thừa nhận có vay tiền của bà X, mà số tiền 320.000.000 đồng là tiền nợ làm ăn mua bán số đề với nhau. Nay bà X kiện bà đòi số tiền trên bà không có khả năng trả, khi nào bà đòi được những người khác thì bà sẽ trả cho bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thăng L trình bày:

Số tiền bà X kiện vợ chồng ông, ông không biết vợ ông vay mượn của bà X khi nào. Khi hai bên cãi nhau thì ông mới biết về số nợ này.

Do ông có bệnh nên gần đây, cháu của ông ở nước ngoài có gửi cho ông 20.000.000 đồng, con ông có bàn với ông kêu ông trả 20.000.000 đồng cho bà X và kêu và bà X xóa nợ nên ông có kêu bà X đến nhà thương lượng, ông đồng ý trả cho bà X 20.000.000 đồng và kêu bà X xóa nợ nhưng bà X nói đã nộp đơn lên tòa rồi, kêu vợ ông về làm ăn có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Ông có nói với bà X do chỗ bà con nên ông mới đồng ý trả tiền cho bà X chứ nếu là người khác thì ông sẽ không trả vì ông không biết vợ ông nợ tiền gì. Nay bà X yêu cầu vợ chồng ông phải trả 320.000.000 đồng nhưng vợ ông nói đây là tiền nợ số đề, ông không biết tới nên ông không đồng ý trả và ông cũng không liên quan gì đến vụ kiện này để hai người tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh X chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà số tiền 240.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền bà đã tính lãi bằng 80.000.000 đồng. Đồng thời, bà xin rút phần yêu cầu đối với ông L, không yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H thừa nhận có nợ và thống nhất trả cho bà Nguyễn Thanh X số tiền 240.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà xin trả dần số tiền này hàng tháng, mỗi tháng bà trả cho bà X 200.000 đồng cho đến khi hết số tiền 240.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thăng L không có yêu cầu.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh X số tiền 240.000.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 80.000.000 đồng và phần yêu cầu đối với ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thanh X với vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Thăng L là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh X xin rút một phần yêu cầu đối với ông Lê Thăng L và số tiền 80.000.000 đồng nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thanh X và bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Thăng L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi bà Nguyễn Thanh X cho bà Nguyễn Thị Thu H vay tiền hai bên không có viết biên nhận nợ. Tuy nhiên, đến ngày 12/8/2015, bà Nguyễn Thị Thu H ký vào biên nhận mượn số tiền 320.000.000 đồng từ bà X. Tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu H đã thừa nhận có nợ và ký biên nhận nợ 320.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thanh X nhưng bà H khai rằng số tiền này là tiền nợ do mua bán số đề. Ngày 05/5/2022, Tòa án có thông báo cho vợ chồng bà H và ông L chứng minh họ không có nhận tiền của bà X, rằng số tiền này là tiền nợ do mua bán số đề nhưng vợ chồng ông L và bà H không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Ngày 15/7/2022, Tòa án có làm việc với ông Huỳnh Duy Thanh là công an xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao để xác minh nội dung ông Lê Thăng L và bà Nguyễn Thị Thu H khai nại nhưng ông Duy khẳng định không có việc tranh chấp tiền nợ do mua bán số đề xảy ra như lời khai của ông L và bà H. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh X đối với số tiền đã cho bà Nguyễn Thị Thu H vay theo biên nhận trên là có cơ sở chấp nhận. Do phía bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thanh X nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh X về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thanh X số tiền 240.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H xin trả dần số tiền 240.000.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng bà trả cho bà X 200.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thanh X không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời đề nghị đình chỉ đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút tại phiên tòa xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 12.000.000 đồng (240.000.000 đồng x 5%).

Bà Nguyễn Thanh X được nhận lại 8.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006790, ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh X.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh X số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thanh X có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Thu H không trả đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thanh X thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh X đối với số tiền 80.000.000 đồng và phần yêu cầu đối với ông Lê Thăng L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 12.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thanh X được nhận lại 8.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006790, ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang